

| TT | Đánh giá về ngành đào tạo | Rất không hài lòng | Không hài lòng | Hài lòng một phần | Hài lòng | Rất hài lòng |
|-----|---|--------------------|----------------|-------------------|----------|--------------|
| 6. | Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-Đun, môn học | II | ☹ | ☺ | ☹ | ☺ |
| 7. | Các môn học, mô đun đều có đủ giáo trình | II | ☹ | ☺ | ☹ | ☺ |
| 8 | Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-Đun, môn học trong chương trình đào tạo | II | ☹ | ☺ | ☹ | ☺ |
| 9 | Nội dung giáo trình đào tạo phù hợp, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực | II | ☹ | ☺ | ☹ | ☺ |
| 10. | Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ | II | ☹ | ☺ | ☹ | ☺ |
| 11. | Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong học phần là hợp lý | II | ☹ | ☺ | ☹ | ☺ |

II. HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY

HSSV tô vào ô trả lời với sự lựa chọn thích hợp. Vui lòng đánh giá theo thang tỉ lệ từ:

II = “Rất không hài lòng”, ☹ = “Không hài lòng”, ☺ = “Hài lòng một phần”,
 ☹ = “Hài lòng”, ☺ = “Rất hài lòng”.

| T T | Tự đánh giá của giảng viên | Rất không hài lòng | Không hài lòng | Hài lòng một phần | Hài lòng | Rất hài lòng |
|--------|---|--------------------|----------------|-------------------|----------|--------------|
| 1. | GV có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu và giảng dạy có sự liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn | II | ☹ | ☺ | ☹ | ☺ |
| 2. | GV áp dụng đa dạng các phương pháp dạy học tích cực nhằm khuyến khích HSSV phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm | II | ☹ | ☺ | ☹ | ☺ |
| 3. | Hoạt động giảng dạy luôn gắn liền với định hướng nghề nghiệp | II | ☹ | ☺ | ☹ | ☺ |
| 4. | GV có kiến thức chuyên môn tốt đối với học phần giảng dạy | II | ☹ | ☺ | ☹ | ☺ |
| 5. | GV sử dụng tốt các thiết bị CNTT hỗ trợ cho việc giảng dạy | II | ☹ | ☺ | ☹ | ☺ |
| 6. | GV đưa ra nhiều hình thức đa dạng đánh giá kết quả học tập để tăng độ chính xác trong việc đánh giá HSSV | II | ☹ | ☺ | ☹ | ☺ |
| 7. | GV chấp hành nội quy, đảm bảo giờ lên lớp | II | ☹ | ☺ | ☹ | ☺ |
| 8. | SV có thể trao đổi các thắc mắc với GV tại lớp học hoặc thông qua e-mail/diễn đàn | II | ☹ | ☺ | ☹ | ☺ |

III. TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

HSSV tô vào ô trả lời với sự lựa chọn thích hợp. Vui lòng đánh giá theo thang tỉ lệ từ:

II = “Rất không hài lòng”, ☹ = “Không hài lòng”, ☺ = “Hài lòng một phần”,
 ☹ = “Hài lòng”, ☺ = “Rất hài lòng”.

| TT | Nội dung | Rất không hài lòng | Không hài lòng | Hài lòng một phần | Hài lòng | Rất hài lòng |
|-----|--|--------------------|----------------|-------------------|----------|--------------|
| 1. | Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp | II | III | IV | V | VI |
| 2. | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo công khai và phổ biến đến HSSV | II | III | IV | V | VI |
| 3. | Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan | II | III | IV | V | VI |
| 4. | Trường thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học | II | III | IV | V | VI |
| 5. | Phương pháp đào tạo của trường phù hợp, kết hợp được rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm | II | III | IV | V | VI |
| 6. | Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học | II | III | IV | V | VI |
| 7. | Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định | II | III | IV | V | VI |
| 8. | Trường có môi trường giáo dục hiện đại, đồng bộ theo tiêu chí xanh, có các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật; an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường | II | III | IV | V | VI |
| 9. | Trường xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng và hoạt động hiệu quả | II | III | IV | V | VI |
| 10. | Lãnh đạo nhà trường luôn quan tâm gắn đào tạo với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước; cập nhật sự phát triển khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại trong đào tạo | II | III | IV | V | VI |
| 11. | Trường có trang thông tin điện tử riêng, các hoạt động của trường được số hoá, kết nối, chia sẻ và tương tác; thực hiện quản trị, điều hành trường dựa trên dữ liệu và các công nghệ số | II | III | IV | V | VI |
| 12. | Trường có hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến và bảo đảm các điều kiện cho đào tạo trực tuyến | II | III | IV | V | VI |
| 13. | Trường có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả cho người khuyết tật hoặc phục vụ cộng đồng | II | III | IV | V | VI |

| TT | Nội dung | Rất không hài lòng | Không hài lòng | Hài lòng một phần | Hài lòng | Rất hài lòng |
|-----|---|--------------------|----------------|-------------------|----------|--------------|
| 14. | HSSV được cung cấp/phổ biến đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo các nội quy, quy chế của trường; các chế độ chính sách và các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy học | II | III | IV | V | VI |
| 15. | Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích hoặc hỗ trợ kịp thời đối với người học | II | III | IV | V | VI |
| 16. | Hoạt động tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp đầy đủ thông tin về việc làm, nghề nghiệp, thị trường lao động đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, lựa chọn và học tập của HSSV | II | III | IV | V | VI |
| 17. | Nhà trường có phối hợp với các tổ chức liên quan tổ chức hội chợ việc làm cho người học | II | III | IV | V | VI |
| 18. | Kết quả học tập của sinh viên được thông báo chính xác, kịp thời | II | III | IV | V | VI |
| 19. | Mức độ hài lòng của HSSV về các hoạt động phong trào, luyện tập văn nghệ, thể dục thể thao hoặc tham gia các hoạt động xã hội | II | III | IV | V | VI |
| 20. | Hoạt động của các đoàn thể trong trường theo đúng điều lệ, đúng quy định pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo nhà trường | II | III | IV | V | VI |
| 21. | HSSV được tôn trọng và đối xử bình đẳng | II | III | IV | V | VI |
| 22. | Cán bộ, giáo viên các phòng, khoa giải quyết tốt các vấn đề của HSSV; nhiệt tình, vui vẻ, tôn trọng HSSV | II | III | IV | V | VI |
| 23. | Hàng năm, trường có hoạt động hợp tác với trường nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo | II | III | IV | V | VI |
| 24. | Trường có hoạt động gắn kết với doanh nghiệp để sản xuất, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ | II | III | IV | V | VI |
| 25. | Hàng năm, HSSV được đào tạo thực hành tại doanh nghiệp theo quy định | II | III | IV | V | VI |
| 26. | Hàng năm, HSSV được đi thực tập tại doanh nghiệp theo quy định | II | III | IV | V | VI |
| 27. | Học sinh, sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường | II | III | IV | V | VI |

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT

HSSV tô vào ô trả lời với sự lựa chọn thích hợp. Vui lòng đánh giá theo thang tỉ lệ từ:

II = “Rất không hài lòng”, ☹ = “Không hài lòng”, ☺ = “Hài lòng một phần”,
 ☺ = “Hài lòng”, ☹ = “Rất hài lòng”.

| TT | Nội dung | Rất không hài lòng | Không hài lòng | Hài lòng một phần | Hài lòng | Rất hài lòng |
|----|---|--------------------|----------------|-------------------|----------|--------------|
| 1 | Địa điểm xây dựng trường phù hợp và thuận tiện; không gian yên tĩnh, rộng rãi, thoáng mát đảm bảo cho việc giảng dạy và học tập | II | ☹ | ☺ | ☺ | ☹ |
| 2 | Xung quanh trường không có nhà máy, xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại | II | ☹ | ☺ | ☺ | ☹ |
| 3 | Giao thông vào trường đảm bảo thuận lợi, an toàn | II | ☹ | ☺ | ☺ | ☹ |
| 4 | Trường có hệ thống điện, nước đầy đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng của CBGV và HSSV | II | ☹ | ☺ | ☺ | ☹ |
| 5 | Trường có quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định | II | ☹ | ☺ | ☺ | ☹ |
| 6 | Trường có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn | II | ☹ | ☺ | ☺ | ☹ |
| 7 | Khu vực thực hành bảo đảm đủ điều kiện theo quy định về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để đào tạo | II | ☹ | ☺ | ☺ | ☹ |
| 8 | Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường đảm bảo theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định | II | ☹ | ☺ | ☺ | ☹ |
| 9 | Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo | II | ☹ | ☺ | ☺ | ☹ |
| 10 | Trường có đủ thiết bị đào tạo (cả chủng loại và số lượng) đáp ứng quy mô và yêu cầu đào tạo | II | ☹ | ☺ | ☺ | ☹ |
| 11 | Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường | II | ☹ | ☺ | ☺ | ☹ |
| 12 | Các thiết bị đào tạo của Trường đạt mức tương đương công nghệ tiên tiến áp dụng tại doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu đào tạo | II | ☹ | ☺ | ☺ | ☹ |
| 13 | Nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ đào tạo được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện | II | ☹ | ☺ | ☺ | ☹ |
| 14 | Trường có quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật, quản lý, cấp phát, sử dụng thiết bị vật tư phục vụ đào tạo và tổ chức thực hiện theo quy định | II | ☹ | ☺ | ☺ | ☹ |
| 15 | Trường có quy định về việc quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo | II | ☹ | ☺ | ☺ | ☹ |

| TT | Nội dung | Rất khôn g hài lòng | Khôn g hài lòng | Hài lòng một phầ n | Hài lòng | Rất hài lòng |
|----|--|------------------------------|-----------------------|--------------------------------|-------------|--------------------|
| 16 | Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học | II | ☉ | ☉ | ☉ | ☉ |
| 17 | Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính có kết nối internet đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học | II | ☉ | ☉ | ☉ | ☉ |
| 18 | 100% chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo | II | ☉ | ☉ | ☉ | ☉ |
| 19 | Thư viện của Trường có đầy đủ chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho quá trình học tập, giảng dạy và dễ dàng tra cứu | II | ☉ | ☉ | ☉ | ☉ |
| 20 | Phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, hệ thống điện nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng, đáp ứng nhu cầu HSSV | II | ☉ | ☉ | ☉ | ☉ |
| 21 | Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng nhu cầu của HSSV | II | ☉ | ☉ | ☉ | ☉ |
| 22 | Hệ thống máy tính, mạng internet, wifi của Trường đáp ứng nhu cầu của HSSV | II | ☉ | ☉ | ☉ | ☉ |
| 23 | Dịch vụ y tế, ký túc xá, nhà ăn, căng tin...đáp ứng nhu cầu HSSV | II | ☉ | ☉ | ☉ | ☉ |

V. CÁC Ý KIẾN KHÁC

❖ Mọi ý kiến đóng góp xin vui lòng liên hệ:

Phòng QLĐT
Khu Hiệu Bộ - Trường CĐ Miền Đông
☎ 0972.137.613 – Thầy Hà